

CÔNG TY CỔ PHẦN
DINH DƯỠNG NUTRICARE

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 121/2024/CV-NU
V/v Thông báo cập nhật nhãn và tiêu
chuẩn sản phẩm sau công bố

Hà Nội, ngày 05 tháng 11 năm 2024

Kính gửi: Ban Quản lý An toàn thực phẩm Bắc Ninh

Trước tiên, Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare (Nutricare) cảm ơn sự hỗ trợ của Ban Quản lý An toàn thực phẩm Bắc Ninh đối với Công ty trong thời gian qua.

Sản phẩm của Nutricare đã thực hiện thủ tục tự công bố sản phẩm tại Ban Quản lý An toàn thực phẩm Bắc Ninh như sau:

Tên sản phẩm	Số TCBSP	Ngày công bố
Glucare Gold	T50/NUTRICARE/2023	19/08/2023

Căn cứ Khoản 4, Điều 5 của Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 và Thông tư 29/2023/TT-BYT ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Công ty chúng tôi xin phép được thông báo cập nhật nhãn và tiêu chuẩn của sản phẩm trên phù hợp với quy định hiện hành. (Nhãn và tiêu chuẩn sản phẩm cập nhật chi tiết đính kèm).

Các nội dung thông tin trên nhãn (Tên sản phẩm, xuất xứ, thành phần cấu tạo...) không thay đổi so với nhãn đã công bố.

Nutricare cam kết bảo đảm chất lượng sản phẩm trên như đã công bố.

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare xin thông báo đến Ban Quản lý An toàn thực phẩm Bắc Ninh được biết.

Xin trân trọng cảm ơn!

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đức Minh

► **THUỐC ỨNG DỤNG TRONG THỰC DÂN (Pharmaceuticals):**

- **Pharmacology:** the study of drugs, their actions, and their uses in the treatment of disease.
- **Pharmacokinetics:** the study of how drugs are absorbed, distributed, metabolized, and excreted by the body.
- **Pharmacodynamics:** the study of the effects of drugs on the body.
- **Pharmaceutical Chemistry:** the study of the chemical synthesis and properties of drugs.
- **Pharmaceutical Microbiology:** the study of the role of microorganisms in drug development and quality control.
- **Pharmaceutical Toxicology:** the study of the adverse effects of drugs on the body.
- **Pharmaceutical Quality Control:** the study of the methods used to ensure the quality and safety of drugs.
- **Pharmaceutical Regulation:** the study of the laws and regulations that govern the pharmaceutical industry.
- **Pharmaceutical Marketing:** the study of the strategies used to promote and sell drugs.
- **Pharmaceutical Economics:** the study of the economic aspects of the pharmaceutical industry.
- **Pharmaceutical Law:** the study of the legal aspects of the pharmaceutical industry.
- **Pharmaceutical Ethics:** the study of the moral principles that guide the pharmaceutical industry.
- **Pharmaceutical History:** the study of the development of the pharmaceutical industry over time.
- **Pharmaceutical Education:** the study of the methods used to train pharmaceutical professionals.
- **Pharmaceutical Research:** the study of the discovery and development of new drugs.
- **Pharmaceutical Development:** the study of the process of bringing a new drug to market.
- **Pharmaceutical Production:** the study of the methods used to manufacture drugs.
- **Pharmaceutical Distribution:** the study of the methods used to get drugs to patients.
- **Pharmaceutical Use:** the study of how drugs are used in clinical practice.
- **Pharmaceutical Monitoring:** the study of the methods used to track the safety and effectiveness of drugs.
- **Pharmaceutical Evaluation:** the study of the methods used to assess the value of drugs.
- **Pharmaceutical Innovation:** the study of the methods used to develop new drugs.
- **Pharmaceutical Collaboration:** the study of the methods used to work together to develop drugs.
- **Pharmaceutical Communication:** the study of the methods used to share information about drugs.
- **Pharmaceutical Policy:** the study of the methods used to develop and implement drug policy.
- **Pharmaceutical Practice:** the study of the methods used to provide pharmaceutical care.
- **Pharmaceutical Education:** the study of the methods used to train pharmaceutical professionals.
- **Pharmaceutical Research:** the study of the discovery and development of new drugs.
- **Pharmaceutical Development:** the study of the process of bringing a new drug to market.
- **Pharmaceutical Production:** the study of the methods used to manufacture drugs.
- **Pharmaceutical Distribution:** the study of the methods used to get drugs to patients.
- **Pharmaceutical Use:** the study of how drugs are used in clinical practice.
- **Pharmaceutical Monitoring:** the study of the methods used to track the safety and effectiveness of drugs.
- **Pharmaceutical Evaluation:** the study of the methods used to assess the value of drugs.
- **Pharmaceutical Innovation:** the study of the methods used to develop new drugs.
- **Pharmaceutical Collaboration:** the study of the methods used to work together to develop drugs.
- **Pharmaceutical Communication:** the study of the methods used to share information about drugs.
- **Pharmaceutical Policy:** the study of the methods used to develop and implement drug policy.
- **Pharmaceutical Practice:** the study of the methods used to provide pharmaceutical care.


MNI: USA
Nutrition Medical
Institute - USA

GLUCARE GOLD

Sản phẩm đặc biệt giúp điều trị bệnh tiểu đường và Viêm tụy mãn tính. Sản phẩm này được chứng minh rằng có thể làm giảm lượng đường trong máu và giảm mức độ viêm tụy mãn tính. Sản phẩm này được chứng minh rằng có thể làm giảm lượng đường trong máu và giảm mức độ viêm tụy mãn tính. Sản phẩm này được chứng minh rằng có thể làm giảm lượng đường trong máu và giảm mức độ viêm tụy mãn tính.

[illegible][illegible]

CÔNG TY CP DINH DƯỠNG NUTRICARE
BẢN TIÊU CHUẨN SẢN PHẨM
Số: 50/2023/TCSP-NUTRI

Tên tổ chức chịu trách nhiệm về sản phẩm: Công ty CP Dinh dưỡng Nutricare.
Địa chỉ trụ sở: Số 5, ngõ 9/76, Phố Mai Dịch, P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội.
VPGD: Toà nhà Nutricare, Số 8, Khu A-TT2 Him Lam, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Hà Nội.
Địa chỉ sản xuất: Nhà máy 1, Lô VII.2, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Thanh Khương,
Thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.
Điện thoại: 024 66833368 Fax: 0437858999
E-mail: nutricare82@gmail.com

1. Tên sản phẩm: Glucare Gold

2. Thành phần cấu tạo

Đạm (Đạm sữa, Đạm Đậu nành, Đạm Whey), Béo thực vật, Đường ăn kiêng (Isomaltulose (22%), Erythritol (8%)), Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin), Hỗn hợp Vitamin và Khoáng chất (Retinyl acetat, Cholecalciferol, DL-alpha-tocopherol acetat, Phylloquinon, Natri-L-ascorbat, Thiamin mononitrat, Riboflavin, Niacinamid, Canxi-D-pantothenat, Pyridoxin hydroclorid, Axit folic, Cyanocobalamin, D-Biotin, Natri clorid, Kali clorid, Canxi carbonat, Magiê oxit, Sắt pyrophosphat, Kẽm sulfat, Natri iodid, Mangan sulfat, Đồng sulfat, Natri selenit, Crôm clorid, Natri molybdat), Fructose, Cholin, Taurin, Lactium, L-carnitin, Hương tổng hợp dùng trong thực phẩm.
Sản phẩm có chứa Đạm sữa, Đạm đậu nành.

3. Chỉ tiêu cảm quan:

STT	Chỉ tiêu	Yêu cầu
1	Trạng thái	Bột toi, mịn, không vón cục
2	Màu sắc	Màu trắng đến ngà vàng
3	Mùi vị	Mùi đặc trưng của sản phẩm, không mùi cháy khét, mùi mốc hay mùi lạ. Vị ngọt dễ chịu, không có vị lạ (đắng khét).

4. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:

Thành phần	Đơn vị	Mức tối thiểu trong 100g bột
Năng lượng/Energy	kcal	337
Chất đạm/Protein	g	16,0
Lysin/Lysine	mg	1028
Leucin/Leucine	mg	1263

Isoleucin/Isoleucine	mg	724
Valin/Valine	mg	810
Arginin/Arginine	mg	854
Histidin/Histidine	mg	374
Phenylalanin/Phenylalanine	mg	651
Tyrosin/Tyrosine	mg	470
Threonin/Threonine	mg	590
Methionin/Methionine	mg	247
Tryptophan/Tryptophan	mg	190
Cystin/Cystine	mg	178
Axit glutamic/Glutamic acid	mg	2893
Axit aspartic/Aspartic acid	mg	1429
Glycin/Glycine	mg	458
Alanin/Alanine	mg	554
Prolin/Proline	mg	1019
Serin/Serine	mg	771
Chất béo/Lipid	g	13,9
Omega 3	mg	377
Omega 6	mg	1728
Omega 9	mg	4400
Carbohydrat/ Cacbohydrate	g	35,4
Đường tổng số/Total sugars	g	4,32
Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin) Prebiotics (FOS/Inulin)	g	3,65
Polyols	g	6,40

L-carnitin/L-carnitine	mg	11,0
Taurin/Taurine	mg	23,8
Cholin/Choline	mg	33,5
Lactium/Lactium	mg	17,6
Vitamin/Vitamins		
Vitamin A	IU	1376
Vitamin D3	IU	448
Vitamin E	IU	13,4
Vitamin K1	µg	19,5
Vitamin C	mg	72,3
Vitamin B1	µg	818
Vitamin B2	µg	485
Niacin	µg	7598
Axit pantothenic/Pantothenic acid	µg	2936
Vitamin B6	µg	1133
Axit folic/Folic acid	µg	93,6
Vitamin B12	µg	4,88
Biotin	µg	25,6
Khoáng chất/Minerals		
Natri/Sodium	mg	212
Kali/Potassium	mg	233
Canxi/Calcium	mg	418
Phốt pho/Phosphorus	mg	318
Magiê/Magnesium	mg	81,6

Sắt/Iron	mg	2,88
Kẽm/Zinc	mg	6,01
Mangan/Manganese	µg	686
Đồng/Copper	µg	245
I-ốt/Iodine	µg	34,0
Selen/Selenium	µg	14,0
Crôm/Chromium	µg	53,6
Molypden/Molybdenum	µg	14,9

- Hàm lượng vitamin, khoáng chất không vượt quá mức cho phép của Phụ lục số 02 Ngưỡng dung nạp tối đa (Ban hành kèm theo Thông tư số 43/2014/TT-BYT ngày 24 tháng 11 năm 2014 của Bộ Y tế).

5. Chỉ tiêu an toàn:

5.1. Chỉ tiêu vi sinh vật: Phù hợp QCVN 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	<i>Salmonella</i>	/25g	KPH
2	<i>Enterobacteriaceae</i>	CFU/g	10
3	<i>Staphylococci</i> dương tính với coagulase	CFU/g	100
4	<i>L. monocytogens</i>	CFU/g	100

5.2. Hàm lượng kim loại nặng: Phù hợp QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Cadmi (Cd)	mg/kg	1
2	Chì (Pb)	mg/l pha chuẩn	0,02
		Tương đương mg/kg	0,088
3	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0,05
4	Asen	mg/kg	0,5

5	Thiếc (Sn) (Sản phẩm đựng trong bao bì tráng thiếc)	mg/kg	250
---	---	-------	-----

5.3. Hàm lượng độc tố vi nấm: Phù hợp QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Aflatoxin M1	µg/kg	0,5

5.4. Các chỉ tiêu khác:

- Dư lượng thuốc thú y: Phù hợp với Quy định mức giới hạn tối đa dư lượng thuốc thú y trong thực phẩm theo Thông tư 24/2013/TT-BYT ngày 14/08/2013 của Bộ Y tế.
- Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật: Phù hợp với Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm theo Thông tư 50/2016/TT-BYT ngày 30/12/2016 của Bộ Y tế.

6. Đối tượng sử dụng

- Bổ sung dinh dưỡng cho người đái tháo đường, tiền đái tháo đường, người có nguy cơ mắc bệnh đái tháo đường và đái tháo đường thai kỳ.
- Dùng cho người lớn và trẻ trên 3 tuổi.
- Lưu ý: Không dùng cho người bệnh Galactosemia.

7. Hướng dẫn cách pha

- Cho từ từ 5 muỗng gạt (tương đương 50 g) vào 180 ml nước đun sôi để nguội khoảng 50 °C. Khuấy đều cho đến khi bột tan hết./
- Hỗn hợp sau khi pha phải sử dụng hết trong vòng 3 giờ.

8. Lượng dùng khuyến nghị

- Uống 1 – 2 ly mỗi ngày.
- Nuôi ăn qua xông hoặc các hình thức sử dụng khác theo chỉ định của bác sĩ.

9. Hướng dẫn bảo quản

Đậy kín sau mỗi lần sử dụng. Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Sản phẩm khi đã mở phải được sử dụng hết trong vòng 3 tuần.

10. Hạn sử dụng: 24 tháng kể từ ngày sản xuất. NSX và HSD được in trên bao bì.

11. Chất liệu bao bì và quy cách đóng gói

Quy cách bao gói: Khối lượng tịnh: 29 g, 40 g, 58 g, 200g, 300g, 400g, 500g, 800g, 850g, 900g, 1kg, 1.8kg. (Đóng gói phù hợp quy định về đo lường đối với lượng của hàng hóa đóng gói sẵn).

Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói trong lon thiếc, túi tráng thiếc đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

12. Các biện pháp phân biệt thật giả:

Nhãn in rõ nét, có đầy đủ tên sản phẩm, hình ảnh logo công ty và số công bố chất lượng.

13. Xuất xứ sản phẩm.

Sản xuất tại: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare.

Địa chỉ: Nhà máy 1, Lô VII.2, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Thanh Khương, Thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

Điện thoại: 024.66.833.368

Đạt chứng nhận Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm **ISO 22000:2018**,

Hệ thống Thực hành sản xuất tốt (**GMP**), **HACCP**,

Hệ thống Quản lý Môi trường **ISO 14001:2015**.

Hà Nội, ngày 05 tháng 11 năm 2023

ĐẠI DIỆN TÒ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đức Minh

